

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 05)

ISSN: 2734-9195 09:05 22/01/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 05.

1. Như Lai

“Nhu” là bốn thể của các pháp. “Lai” là dụng của pháp, từ thể khởi dụng, cho nên gọi là Như Lai. Nhu là tĩnh, Lai là động mà cảnh giới của Kinh Hoa Nghiêm là động tĩnh như một, tức cũng là động chẳng ngại tĩnh, tĩnh cũng chẳng ngại động, đây là cảnh giới hỷ tương vô ngại, tức là Như Lai. “Hiện tượng” là Phật thị hiện tướng. Phật vốn là vô tướng, vì muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, cho nên ở trong vô tướng mà hiện ra ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. “Phẩm” này trong kinh Hoa Nghiêm nói rõ đạo lý vì sao Như Lai hiện tướng. Theo cách giải nghĩa khác, Nhu là lý thể, Lai là sự tướng. Nhu là vô sở y, không có chỗ nương, Lai là có sở y, là có chỗ nương. Đây là sự chẳng ngại lý, lý chẳng ngại sự, lý sự viên dung.

Kinh thuyết rằng người phát tâm tu Bồ đề, sẽ được Như Lai gia trì, bất cứ là chúng sinh nào. Ở trong kinh Ngũ Thập Bát có nói, **Nhu Lai gia trì có mười thứ:**

1. Tâm bồ đề lớn mạnh - 2. Đời đời kiếp kiếp Tâm bồ đề không thoái lui - 3. Các tâm ma đều có thể xa lìa - 4. Tu hành theo các Ba la mật - 5. Biết khổ sinh tử - 6. Quán pháp thâm sâu mà hiểu được - 7. Vì chúng sinh mà nói pháp chẳng chán nản - 8. Thích quán pháp vô vi mà chẳng trụ ở trong đó, nơi vô vi, hữu vi, chẳng sinh hai ý nghĩ - 9. Đến nơi vô sinh mà hiện thọ sinh - 10. Tuy chứng Nhất thiết trí, mà khởi Bồ tát hạnh, chẳng đoạn hạt giống Bồ đề.

Đây là mười thứ mà Như Lai gia trì

Thế nào là việc làm của chư Như Lai?

Việc làm của tất cả chư Như Lai mười phương ba đời, là giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều thành Phật đạo. Việc làm của chư Như Lai hợp với lý trung đạo, tức chẳng thái quá cũng chẳng bất cập. Chư Như Lai có mười thứ giáo hóa mà chẳng sai thời:

1. Ai cũng có cơ hội thành Chính giác - 2. Ai cũng có thể chia sẻ pháp - 3. Tất cả đều được chúc phúc - 4. Tất cả chư Phật tùy thuận theo chúng sinh - 5. Tất cả chư Phật thuận theo trình độ chúng sinh - 6. Tất cả chư Phật trụ ở đại xả, không chấp thứ gì - 7. Tất cả chư Phật đều đi thuyết giảng hợp thời - 8. Tất cả chư Phật đều điều phục được chúng sinh ác tính - 9. Tất cả chư Phật đều nhiếp chúng sinh tinh tấn - 10. Tất cả chư Phật đều thị hiện hợp thời.

Thế nào là lực của chư Như Lai?

Lực của chư Như Lai vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn: 1. Lực lượng rộng lớn - 2. Lực lượng vô thượng - 3. Sức lực vô lượng - 4. Sức lực đại oai đức - 5. Sức lực khó được - 6. Sức lực bất thoái - 7. Sức lực kiên cố - 8. Sức lực không thể hoại - 9. Sức lực tất cả thế gian không nghĩ bàn - 10. Sức lực tất cả chúng sinh không động được

Thế nào là vô sở úy của chư Như Lai?

Chư Như Lai thì chẳng sợ hãi gì cả, còn tất cả chúng sinh thì sống trên đời nhiều nỗi sợ hãi. Sự vô sở úy của chư Phật cũng vô lượng vô biên: 1. Văn trì vô sở úy - 2. Biện tài vô sở úy - 3. Nhị không vô sở úy. Nhân cũng không, pháp cũng không - 4. Oai nghi chẳng thiếu vô sở úy - 5. Ba nghiệp không có sai quấy vô sở úy. Thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh - 6. Ngoại hộ vô sở úy. Bên ngoài hộ trì Phật pháp, thiên ma ngoại đạo chẳng thể làm gì được - 7. Chính niệm vô sở úy - 8. Phương tiện vô sở úy. Chẳng sợ sinh tử - 9. Nhất thiết trí vô sở úy - 10. Đủ hạnh vô sở úy. Đầy đủ lực độ vạn hạnh, tu hành viên mãn.

Đây chỉ là sơ lược về mười vô sở úy, nếu nói rộng ra thì vô lượng vô biên chẳng thể nói hết.

Thế nào là tam muội của chư Như Lai?

Tam muội dịch ra là chính định, chẳng tà thì là chính, chẳng dao động thì tức là định, còn gọi là “Chính thọ”. Nói sơ lược thì cũng có mười thứ định: 1. Tất cả chư Phật thường ở trong định, ở trong 1 niệm đến khắp mọi nơi, vì tất cả chúng sinh diễn nói diệu pháp - 2. Lại vì khắp chúng sinh nói pháp vô ngã tế - 3. Tất cả chư Phật ở trong định, khắp đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, hỗ tương chẳng có tí chướng ngại nào - 4. Tất cả chư Phật ở trong định, có thể nhập vào hết các cõi Phật rộng lớn ở khắp mười phương - 5. Lại có thể hiện ra khắp vô lượng đủ thứ

thân - 6. Lại có thể tùy thuận hết tất cả chúng sinh, hiểu được mọi loại tâm, hiện ra tướng ba nghiệp thanh tịnh - 7. Vì tất cả chúng sinh mà nói pháp lìa khỏi ái dục, đắc được lý thể chân thật - 8. Lại có thể diễn nói tất cả nhân duyên sinh khởi của tự tính - 9. Lại có thể thị hiện sự trang nghiêm rộng lớn của thế gian và xuất thế gian, khiến cho tất cả chúng sinh thường thấy Phật - 10. Khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được quả lành, thông đạt giáo lý, đạt tới sự cứu kính bờ bên kia vô thượng.

Thế nào là thần thông của chư Như Lai?

Thần thông của bậc A La Hán, chư Phật là không thể nghĩ bàn, thiên biến vạn hóa, diệu dụng thần kì: 1. Tha tâm trí thông: Tất cả chúng sinh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết đều thấy, hiểu rõ căn cơ mỗi người - 2. Thiên nhãn trí thông: Thấy được những thứ người đời chứa nhiều tham sân si không thấy được - 3. Trí thông biết túc mạng đời quá khứ: Hiểu rõ nhân quả, hoàn cảnh mỗi người do nhân gì mà gây ra - 4. Tận vị lai kiếp trí thông: Phật nhìn thấu nhân quả nên nhìn hành động chúng sinh biết sẽ dẫn tới quả gì trong tương lai - 5. Vô ngại thanh tịnh thiên nhĩ thông: Phật lại có khả năng lắng nghe, thấu cảm không chướng ngại - 6. Vô thể tính chẳng động đến tất cả cõi Phật trí thông - 7. Phân biệt tất cả lời lẽ trí thông: Phật phân biệt được tất cả lời lẽ vì có trí tuệ siêu việt - 8. Vô sắc thân trí thông: Phật vì giáo hóa chúng sinh, mà hiện đủ thứ diệu sắc thân - 9. Tất cả pháp trí thông: Bất cứ pháp gì, Phật cũng đều thông đạt vô ngại - 10. Vào tất cả diệt tận định trí thông: Ở trong niệm niệm, vào trong tất cả pháp diệt tận định.

Thế nào là tự tại của chư Như Lai?

Tự tại tức là chẳng có phiền não, có phiền não thì mất sự tự tại. Thứ phiền não này chẳng phải do bên ngoài tới mà là do tự tính chiêu cảm tương ưng nghiệp lực. Tự tại là chẳng có vọng tưởng, là chẳng có tham sân si. Tại sao chúng ta lại chẳng thể tự tại? Vì tu hành chẳng chuyên nhất, khởi vọng tưởng ba tâm tham sân si. Trong kinh nói rằng chúng ta phải đoạn dục khởi ái, tức là đoạn trừ dâm dục, trừ khử tâm ái luyến của chúng ta. Ái dục là gốc rễ của sự đọa lạc, tức cũng là khởi nguyên cho sinh, tử. Cho nên chi thứ nhất trong mười hai nhân duyên là vô minh. Chính là ái dục. Vô minh nếu đoạn được, thì chẳng duyên ra các nhân khác, tức cũng là chấm dứt sinh tử. Chư Như Lai trì giới, tu định, sinh tuệ, cho nên các ngài tự tại chẳng thể dao động. Tự tại của chư Phật có 10 thứ:

1. Chúng sinh vô ngại tự tại dụng - 2. Cõi nước vô ngại tự tại dụng - 3. Pháp vô ngại tự tại dụng - 4. Thân vô ngại tự tại dụng - 5. Nguyên vô ngại tự tại dụng - 6. Cảnh giới vô ngại tự tại dụng - 7. Trí vô ngại tự tại dụng - 8. Thần thông vô ngại tự tại dụng - 9. Thần lực vô ngại tự tại dụng - 10. Thập lực vô ngại tự tại dụng

dụng

Thế nào là vô năng nhiếp thủ của chư Như Lai?

Vô năng nhiếp thủ là chẳng thể thu nhiếp, chẳng thể phá hoại, tức nói rằng chẳng có thể lực tà ma nào có thể thu nhiếp đức Như Lai. Năng lực này của chư Như Lai có được là nhờ:

1. Tất cả chư Phật thuở xưa, khi phát tâm tu hành đều phát đại nguyện kiên cố không thể phá hoại được. Phật phát nguyện nào ra đều sẽ tinh tấn thực hiện, chẳng dối trá - 2. Ý nghĩ hướng thiện, muốn điều phục tất cả ác chúng sinh - 3. Tu lực độ vạn hạnh, tuyệt đối không có tâm giải đãi - 4. Với chúng sinh không có niềm tin, chúng sinh huỷ báng đức Phật, Phật đều dùng tâm đại từ đại bi cùng khắp mà cảm hóa họ - 5. Từ lúc phát tâm Bồ đề, cho tới khi thành Phật, con đường hành trì chuyên nhất, chưa từng bị thoái chí - 6. Tu tập từ ít thành nhiều, công đức tích từng chút một - 7. Tất cả đạo tràng của chư Phật, đều được khuyến hóa tu thanh tịnh 3 nghiệp thân, khẩu, ý. Tu hành hạnh môn Phật tu, lại hồi hướng tất cả công đức tu được về nhất thiết trí tính, cho nên thành tựu đạo Bồ đề vô thượng Chính đẳng Chính giác - 8. Phật luôn luôn phóng đại quang minh, quang minh này bình đẳng soi chiếu tất cả mọi nơi - 9. Phật xả bỏ mọi sự vui khoái lạc thế gian, cũng chẳng tham vui thế gian, cũng chẳng nhiễm cái vui trần thế. Nguyện khắp tất cả chúng sinh thế gian lìa khổ được vui, chẳng chấp trước các pháp hý luận - 10. Phật thương xót tất cả chúng sinh, thọ đủ thứ khổ, Phật muốn cứu tất cả, độ cho tất cả.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Như Lai có ngũ nhãn, gồm có:

1. Thiên nhãn, 2. Nhục nhãn, 3. Pháp nhãn, 4. Tuệ nhãn, 5. Phật nhãn

Trong bộ kinh Hoa nghiêm này có bổ sung thêm 5 nhãn nữa tạo thành **Thập nhãn**, gồm có:

6. Trí nhãn, 7. Quang minh nhãn, 8. Xuất sinh tử nhãn, 9. Vô ngại nhãn, 10. Nhất thiết trí nhãn.

Về ngũ nhãn có bài kệ như sau:

*Thiên nhãn thông phi ngại
Nhục nhãn ngại phi thông
Pháp nhãn vi quán tục
Tuệ nhãn liễu chân không
Phật nhãn như thiên nhật
Chiếu dị thể hoàn đồng
Viên minh pháp giới nội
Vô xứ bất hàm dung.*

Giải thích như sau: Như Lai nhìn mọi hoàn cảnh chẳng có chướng ngại, đều thấy được rõ nguyên do. Nhục nhãn của người đời, chỉ thấy tà kiến và thứ mình định kiến nên thấy vạn pháp đầy chướng ngại. Pháp nhãn của chư Như Lai quán chiếu pháp thế gian và xuất thế gian, tục đế hay chân đế đều thấu tỏ. Nhờ đó mà cái thấy của tuệ tri được sinh khởi, tuệ nhãn liễu chân không. Như Lai nhãn sáng như mặt trời, quang minh viên mãn, đầy toàn vẹn. Trí nhãn thì biết tất cả sự lý, quang minh nhãn, xuất sinh tử nhãn là cái liễu rõ sinh tử, Nhất thiết trí nhãn là thấy được vạn pháp như là nó đang là.

Mười thân của chư Như Lai theo kinh Hoa nghiêm là:

1. Bồ đề thân - 2. Nguyên thân - 3. Hóa thân - 4. Trụ trì thân - 5. Tướng hảo trang nghiêm thân - 6. Thế lực thân - 7. Ý sinh thân - 8. Phước đức thân - 9. Pháp thân - 10. Trí thân.

Như Lai có 4 trí:

1. Thành sở tác trí - 2. Diệu quan sát trí - 3. Bình đẳng tính trí - 4. Đại viên cảnh trí.

Chúng sinh bao quát là cả con người và những loài chẳng phải người, tất cả đều nhiều vô lượng vô biên. Muốn giáo hóa chúng sinh khai ngộ trí tuệ của Như Lai, trước hết phải cho họ vật gì mà họ thích, thứ mà họ sinh tâm hảo cảm, có hứng

thú, sau đó mới dẫn họ vào cửa đạo, nghiên cứu Phật pháp. Đó là pháp môn phương tiện độ chúng sinh. Tu Phật pháp thì phải có sự khảo nghiệm. Phàm tất cả cảnh giới, đến tất cả quan niệm tốt, xấu, đều phải khảo nghiệm. Bình thường ta cho rằng đã nhiên thấu, đã buông xả được tất cả, cảm thấy chẳng còn gì chấp trước, nhưng khi gặp nghịch cảnh thì mới tỏ rõ là có bị cảnh mê, cảnh chuyển hay không. Nếu có định lực thì cảnh giới đến, tâm chẳng lay động, như chẳng sinh tâm ưa hay ghét, đó mới là chuyển được cảnh giới, công phu tu hành như thế thì mới thật là buông xả.

*“Tâm vô quá ngại
Vô quá ngại cố
Vô hữu khủng bố
Viễn ly điên đảo mộng tưởng.”*

Nghĩa là: “Tâm chẳng quá ngại/ Vì chẳng quá ngại/ Chẳng có sợ hãi/ Xa lìa điên đảo mộng tưởng”

Như vậy, cho tới khi nào hành giả chẳng còn phiền não, thì mới thành đạo nghiệp, nếu còn phiền não thì đạo nghiệp chưa tròn. Tại sao con người có dục tâm, hay phạm giới, vọng tưởng tham sân si? Vì còn nhiều phiền não, do đức hạnh chẳng đủ, đấy là vấn đề căn bản. Về phương tiện trù tượng mà nói, thì pháp môn vô lượng vô biên, cho nên phải phát thệ nguyện để học. Nếu nói cụ thể, thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là pháp môn tu thành Như Lai. Người tu đạo phải chọn một pháp môn tương ưng với mình, để chuyên nhất tu hành, một môn thâm nhập thì sẽ giải thoát tự tại. Đạo lý do Như Lai thuyết là diệu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, chẳng có gì cao hơn lời Như Lai nói ra. Như Lai là Thánh nhân ba giác tròn, vạn đức đầy. Chúng ta muốn bước theo bước ngài thì phải phát nguyện tu chuyển 3 nghiệp thanh tịnh, chứng được 3 đức viên mãn. Phàm là người tu hành, thì đều phải đầy đủ bốn thệ nguyện vừa nêu trên.

2. Lục độ của Bồ tát

Khi Bồ tát hành đạo, thì ở trong niệm niệm nói pháp môn của hạnh Bồ tát. Các ngài tu lục độ vạn hạnh, để lợi ích chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, giác ngộ chúng sinh, khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ đề, hành Bồ tát đạo. Vì bồ tát là đại từ đại bi, nguyện cho tất cả chúng sinh đều thành Phật, do đó, trước hết hành Bồ tát đạo, sau đó mới thành Phật.

1. Tu hạnh môn Bố thí: Bồ tát luôn bố thí mà chẳng tham lam. Các ngài chẳng nói cái gì của tôi, cái gì của bạn, luôn cố gắng bố thí cả nội tài lẫn ngoại tài, xả bỏ tài vật mà người khác chẳng xả bỏ được.

2. Tu hạnh môn trì giới: Bồ tát thì chẳng làm điều ác, chỉ làm các điều lành. Chúng ta phải học tập tinh thần của Bồ tát, nếu có điều sai thì lập tức sửa đổi, nếu điều nào tốt, thì giữ gìn đừng để mai một.

3. Tu hạnh môn nhẫn nhục: Bồ tát nhẫn chịu tất cả sự huỷ báng, mà chẳng sinh tâm nóng giận. Hạnh môn nhẫn nhục chẳng phải ở lời nói trên miệng mà cho là thành tựu. Mà ở ngay phản ứng, hành động, khi bị ai đó chửi mắng, thóa mạ nhưng tâm chẳng gợn, mặt chẳng biến sắc.

4. Tu hạnh môn tinh tấn: Bồ tát luôn tiến lên chẳng có tư tưởng thối lùi.

5. Tu hạnh môn thiền định: Bồ tát tu pháp môn thiền định, quán chiếu, nhiếp tâm, khiến cho tâm an yên mà chẳng tán loạn, cho nên hằng ngày chúng ta tham thiền đả tọa, tức là thu nhiếp tâm, cũng khiến cho đừng sinh vọng tưởng, lúc nào hết vọng tưởng, thì sẽ khai ngộ.

6. Tu hạnh môn Bát nhã: Bồ tát có đủ đạo chủng trí, tức là biết tất cả các thứ đạo pháp khác nhau. Tu 5 độ ở phía trước viên mãn rồi, thì mới sinh ra trí tuệ Bát nhã. Có trí tuệ Bát nhã rồi thì sẽ luôn rạch ròi được mọi thứ, minh bạch được vạn pháp.

Thanh Văn là gì? Thanh là âm thanh, văn là lời giảng. Thanh văn là những bậc nghe âm thanh Phật thuyết mà ngộ đạo, chứng đắc quả vị.

Bích chi Phật là gì? Bích chi dịch là duyên giác. Lúc không có Phật ở đời, các vị này mùa xuân quán trăm hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi mà ngộ đạo, gọi là Độc giác. Lúc có Phật ra đời, quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo gọi là Duyên giác.

Người tu hành nhất định phải gần gũi bậc thiện tri thức, xa lìa ác tri thức. Vì những bậc thiện tri thức sẽ giúp bạn tịnh hóa, hướng dẫn bạn tốt lên, giúp bạn đạo nghiệp tăng trưởng, tiêu bớt nhân xấu. Người tu hành phải phước tuệ cùng tu. Phước là hành vi làm ở bên ngoài, tuệ là trí tuệ trau dồi ở bên trong nội tại. Tu phước là vì lợi ích chung, giúp cộng đồng xã hội tốt hơn, như thế nhân duyên tốt mới nảy nở giúp mình có cơ hội gặp thiện tri thức tốt hơn. Tu tuệ thì phải siêng năng quán chiếu, thẩm định.

Các Bậc Bồ tát đều chứng được bất thối chuyển. ***Bất thối chuyển có ba thứ:***

1. Niệm bất thối chuyển: Niệm của Bồ tát là chẳng thối lùi tâm Bồ đề, luôn luôn tăng trưởng tâm Bồ đề, khó hành mà hành được, khó nhẫn mà nhẫn được.

2. Hạnh bất thối chuyển: Bồ tát tu hành pháp môn đại thừa, hành Bồ tát đạo, bất cứ gặp khó khăn như thế nào cũng chẳng sinh tâm thối chuyển.

3. Vị bất thối chuyển: Bồ tát từ Thập tín vị mà tu đến Đẳng giác vị, chẳng thối lùi làm kẻ phàm phu.

Mục đích Bồ tát giáo hóa chúng sinh, Phật chuyển bánh xe pháp là khiến cho tất cả chúng sinh khai mở được chính tri chính kiến, mà trừ khử đi tà tri tà kiến. Chính tri chính kiến là chính pháp, lợi ích cả mình lẫn người. Tà tri tà kiến là tà pháp, đem lại sự sai lạc tư duy. Pháp âm Phật chấn động khắp mười phương cõi nước, khiến cho mọi chúng sinh đều tỏ ngộ. Pháp thân Phật không lớn không nhỏ, không đến không đi, lớn thì bao la, nhỏ thì như hạt bụi. Thân Phật đầy khắp mọi nơi, vô hiện vô bất hiện, tùy sự ứng thích của từng loại nghiệp chúng sinh mà thị hiện sao cho phù hợp. Pháp tính thì như hư không, vạn vật chẳng phải hư không nhưng chẳng lìa khỏi hư không, chúng sinh chẳng phải pháp tính như đều trụ trong pháp tính. Quang minh Phật thì chiếu soi mọi chỗ, pháp thân trụ khắp mọi nơi, nên gọi là vô tại vô bất tại.

3. Phẩm Thế giới thành tựu

Phẩm là phẩm loại. “Thế” tức là tam thế, ba đời. Tức đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. “Giới” tức là phân giới, còn là phương giới. Vì có giới hạn, có phương hướng, có phân biệt. Thế giới thành tựu như thế nào? Nói tổng quát thế giới có thành tựu thì có hủy diệt, đây là định luật tự nhiên. Tuổi thọ của thế giới chia làm: Thành, trụ, hoại, không, bốn giai đoạn. Mỗi giai đoạn là hai mươi tiểu kiếp. Một thế giới trải qua tám mươi tiểu kiếp rồi, thì thế giới mới lại sinh ra, hết rồi lại bắt đầu, do đó: “Thế giới này thành, thì thế giới kia hoại.” Thành hoại, hoại thành chẳng có gián đoạn. Khi ban đầu thành, thì đại địa là nước, bị gió thổi, bị mặt trời làm nóng, mà thành sơn hà đại địa, lúc đó mới có thực vật sinh ra, sau đó mới có động vật sinh sống, có con người sinh tồn. Trải qua bao nhiêu năm rồi, thì sinh ra các nước, có văn hóa, có nhân dân, hình thành quốc gia. Thời kỳ này đại địa thanh tịnh, nhân dân hòa vui, chẳng có tham sân si, cũng chẳng có ích kỷ lợi mình, nhân loại đều từ bi, đại công vô tư.

Về sau, dần dần sinh ra tâm tham, tâm sân, tâm si, phát sinh ra hành vi: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, các điều ác, nhân dân tà kiến điên đảo, làm mười điều ác, do đó mà trời chẳng mưa, ngũ cốc chẳng sinh, phát sinh tai nạn đói khát, con người ăn rễ cây, hoặc đốt cây, vì chẳng còn vật thực để ăn, cho nên bệnh dịch phát sinh. Do đói khát và ôn dịch, dẫn đến binh đao kiếp nạn. Chiến loạn có ghi trong lịch sử, đều do nguyên nhân này mà phát sinh. Như cuối đời nhà Hán, thì Hoàng Cân nổi loạn, cuối đời nhà Đường, thì Hoàng Sào nổi

loạn, cuối đời nhà Minh, thì Lý Tự Thành nổi loạn .v.v... Tam tai này đều có quan hệ với nhau, vì người lãnh tụ quốc gia khởi tâm tham, muốn xâm lược lãnh thổ của nước khác, nên phát sinh chiến tranh. Như chiến tranh thế giới thứ nhất, chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân không ngoài tham sân si. Bởi chiến tranh nhân dân chẳng biết nương vào đâu mà sống. Vì tai nạn đao binh, nên phát sinh nạn đói khát, vì đói khát, mà sinh ra ôn dịch, cho nên khi kiếp trụ cũng có thành, trụ, hoại, không, bốn thứ hiện tượng phát sinh. Khi kiếp trụ qua rồi, thì đến hoại kiếp, sơn hà đại địa dần dần sẽ hủy diệt. Trải qua hai mươi tiểu kiếp, thì vũ trụ hoàn toàn chẳng còn gì nữa, đó là kiếp không.

Chúng sinh ở trong biển pháp giới, ai nấy đều có nhân duyên khác nhau, có quả báo khác nhau. Nghiệp lực của mỗi chúng sinh, đều có nghiệp thiện, có nghiệp ác. Tạo nghiệp thiện thì đi lên, tạo nghiệp ác thì đọa đi xuống. Giữ năm giới tu mười điều lành, thì sinh về cõi trời. Mười điều lành là: Thân chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, ba nghiệp thiện về thân. Miệng chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói hai lưỡi, chẳng chửi mắng, bốn nghiệp thiện về miệng. Ý chẳng tham lam, chẳng sân hận, chẳng ngu si, ba nghiệp thiện về ý. Cộng lại là mười điều lành. Ngược lại tức là mười điều ác. Tạo mười điều ác thì sẽ đọa vào địa ngục. Nghiệp của chúng sinh tạo ra chẳng có hình tướng, nếu không thì sớm đã đầy nghẹt hư không. Nghiệp của chúng sinh vô lượng vô biên, cho nên gọi là biển nghiệp của chúng sinh.

Căn tính của chúng sinh cũng khác nhau. Chúng sinh căn lành sâu dày, thì thích nghiên cứu Phật pháp, hiếu thuận với cha mẹ, cung kính các bậc sư trưởng, tín ngưỡng Tam Bảo. Chúng sinh căn lành cạn mỏng, thì chẳng những chẳng nghiên cứu Phật pháp, mà còn phỉ báng Phật pháp, chẳng những chẳng hiếu thuận với cha mẹ, mà cũng chẳng cúng dường cha mẹ. Chẳng trọng sư cũng chẳng kính các cụ già. Chẳng những chẳng tin Tam Bảo, mà thậm chí còn hủy nhục Tam Bảo. Sự ưa thích của chúng sinh cũng khác nhau, sự ưa thích tức là: Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Năm thứ dục tức là vào địa ngục năm căn. Căn và dục này là chương ngại lớn nhất của chúng sinh. Vì chúng sinh có nhiều căn dục, nên chư Phật bèn dùng tám vạn bốn ngàn pháp môn phương tiện, để đối trị mao bệnh của chúng sinh. Cho nên, tất cả chư Phật chuyển đại pháp luân giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh cải ác hướng thiện, sám hối nghiệp chương, rộng tu cúng dường, phát bồ đề tâm, sớm thành Phật đạo.

Tu đạo chỉ một biện pháp duy nhất là dụng công. Dụng công có hai thứ:

Một là chân tâm dụng công, hai là tùy hỷ dụng công. Chân tâm dụng công là thời thời khắc khắc đều tinh tấn, chẳng giải đãi, chẳng phóng dật. Tùy hỷ dụng công là phô diễn việc mà chẳng nhận chân. Thấy người ta niệm Phật, mình cũng theo niệm Phật, thấy người ta lễ Phật, mình cũng theo lễ Phật mà chẳng triệt để. Hoặc thấy người ta tụng Kinh, cũng chẳng tụng Kinh, thấy người ta trì chú, cũng chẳng trì chú. Mình chẳng tu hành nghiêm túc, cũng chẳng dạy người tu hành, đó là ma quỷ. Tại sao chúng sinh điên đảo? Vì chúng sinh không dụng công chân thực tu hành, chỉ dục công cho thân xác hưởng thụ dục lạc. Chúng ta người tu đạo, đừng chấp trước về danh, cũng đừng chấp về lợi, đừng chấp trước về gì hết, thì có việc gì mà chẳng được? Còn có gì mà buông xả chẳng được?

Người tu đạo phải tu pháp môn Bát nhã ba la mật, đắc được trí huệ mới có trạch pháp nhãn, là mắt chọn pháp, để lựa chọn pháp môn nào tương ứng với mình, như thế thì chẳng phát sinh hoài nghi, mà nhận thức chính xác rõ ràng pháp môn của mình tu. Không thể tựa như đúng mà sai, nửa tin nửa ngờ. Nếu được như vậy, tức là đắc được quyết định giải, bằng không thì chẳng phải là quyết định giải. Phát sinh vô lượng quyết định giải, thì mới hiểu biết giống như Phật chẳng có sự khác biệt. Người tu đạo phải chú trọng về nhãn nhục, bất cứ tu pháp môn gì, nếu nhãn được mới thành tựu, chẳng nhãn thọ được thì chẳng thành tựu. Chúng ta tụng Kinh trì Chú, làm khóa lễ buổi sáng, tham thiền đả tọa đều là pháp môn phương tiện, chẳng phải một khi tu thì thành Phật, mà là luôn luôn tu trị. Trước khi chúng ta chưa thành Phật, thì phải đi qua con đường phương tiện. Quá khứ, chư Phật Bồ Tát đã tu viên mãn biến nhãn phương tiện, cho nên sức thần thông của chư Phật, có thể trang nghiêm thanh tịnh hết thảy vô biên biến cõi nước. Người có sức nhãn nại, thì mới có thể công đức viên mãn mà thành công. Lúc đó, định lực tăng thêm nhiều, dục niệm lại giảm bớt, làm công đức gì, thì có công đức đó tồn tại. Nhãn ở đây là không nhãn được cũng phải nhãn, không chịu được cũng phải chịu, đây là chìa khóa. Nhãn thọ được một chút, thì qua cửa ải được một chút, qua hết cửa ải thì sẽ thành tựu.

Pháp thân của chư Phật không thể nghĩ bàn, do đó có câu: “Khẩu dục ngôn nhi từ tán, Tâm dục duyên nhi lự vong.” Nghĩa là: Miệng muốn nói mà chẳng còn gì để nói; Tâm muốn nghĩ mà ý niệm cũng chẳng còn. Pháp thân này là tất cả tướng, cho nên không sắc không hình không ảnh tượng. Song, vẫn hay vì chúng sinh thị hiện các tướng. Chúng sinh đáng dùng thân gì độ được, thì hiện thân đó để vì họ nói pháp, tùy thuận sự ưa thích của chúng sinh, đều khiến cho họ thấy được.

Đạo lý nói về Kinh Hoa Nghiêm, là đạo lý viên dung vô ngại, chẳng có dài ngắn, chẳng có lớn nhỏ, chẳng có nhiều ít, chẳng có phân biệt đó đây. Nếu bạn chấp trước, thì bạn chẳng minh bạch đạo lý Kinh Hoa Nghiêm. Kỳ thật, Kinh Hoa

Nghiêm sự lý đều nặng như nhau, chẳng lệch về bên nào.

Tông chỉ nghĩa lý Kinh là giảng cạn, càng cạn càng tốt, để mọi người đều minh bạch nghĩa Kinh, hiểu thấu chân lý, muốn cho ai nghe được cũng đều hiểu. Nếu người chẳng minh bạch, thì nói bao nhiêu cũng đều vô dụng. Nếu minh bạch, chỉ nói một câu mà họ hiểu, vẫn có nhiều lợi ích. Kinh nói là do vọng tưởng của chúng sinh mà tạo thành thế giới. Vọng tưởng tức là khởi hoặc, khởi hoặc tức là tạo nghiệp, tạo nghiệp tức là thọ quả báo. Có tín tâm có trí tuệ, thì hiểu rõ tất cả pháp của các Bồ Tát, ở trong kiếp đó sinh ra. Tùy theo tâm của họ nhiễm hoặc tịnh, cho nên thế giới cũng có tịnh cũng có nhiễm, tạp nhiễm thanh tịnh đều thấy được. Hết thấy vô lượng vô biên tất cả chúng sinh, hoàn toàn phát bồ đề tâm, thì có thể chuyển mê thành ngộ, khiến cho tất cả biển cõi chuyển nhiễm thành tịnh. Chuyển kiếp năm trước thành kiếp thanh tịnh. Đây là trụ kiếp luôn luôn thanh tịnh.

Chúng sinh là chính báo, cõi nước là y báo, đây là chính, y, hai báo. Trên phần của Phật mà quán sát, thì tất cả chúng sinh và tất cả cõi nước, đều là tịch diệt, cũng chẳng có một y báo, cũng chẳng có một chính báo, tịch nhiên không động, chẳng có chỗ nương, cũng chẳng có phân biệt, như thế mới vào được đạo bồ đề của Phật. Chúng sinh là hữu tình thế gian, cõi nước là khí thế gian, Phật là chính thế gian, đây là ba thế gian. Chúng sinh là hữu tình, tức cũng là động vật có cảm tình, có khí huyết. Khoáng thực vật là vô tình chúng sinh. Cõi nước giống như khí huyết để chở đựng chúng sinh, tức cũng là núi sông đất đai, nhà cửa phòng ốc. Phật là bậc giác ngộ chân chính, hay khéo quán sát, đối với một nhiều chẳng có phân biệt. Bốn lai cũng chẳng có một, cũng chẳng có nhiều. Một nhiều không khác, đều là bất khả đắc. Tìm chẳng được một cái một, cũng tìm chẳng được cái nhiều. Nếu chẳng có tâm phân biệt, thì khéo quán sát diệu lý này, như thế mới thấu rõ nghĩa lý của Phật pháp.

Phật rất ưa thích quán sát chúng sinh, chiếu cứ chúng sinh, giáo hóa chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói: “Hết thấy tất cả loài chúng sinh, hoặc noãn sinh, hoặc thai sinh, hoặc thấp sinh, hoặc hóa sinh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, ta đều khiến cho vào vô dư Niết Bàn tịch diệt”. Tuy Phật độ thoát tất cả chúng sinh mà chẳng chấp trước độ chúng sinh. Chẳng có chấp trước, cho nên nói chẳng sinh tướng. Phật thấy khắp chúng sinh trong bốn đường ác, đều nghiệp chướng nặng nề thọ đủ thứ khổ. Song, Phật thấy chúng sinh ác nhất cũng là chư Phật vị lai, cho nên thấy các cõi mà chẳng nghĩ tưởng. Phật luôn luôn trụ ở trong thiên định tịch tĩnh, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, tất cả phiền não đều chẳng có, cho nên chẳng trói buộc nơi tâm. Chẳng trói buộc tâm, thì cũng chẳng có chướng ngại, đắc được trí tuệ vô ngại, đó là sức phương tiện Phật gia trì, mới có cảnh giới đó. Vạn vật trên thế

gian đều đang nói pháp, hữu tình nói pháp hữu tình, vô tình nói pháp vô tình. Hoa hương điều ngũ đều là nói pháp. Bách điều hót trên không, vạn loài cá bơi lội dưới nước. Núi xanh mây trắng, hoa vàng trúc biếc, đều đang nói pháp khéo léo. Do đó, có câu: “Phương tiện khéo léo độ chúng sinh”, tức cũng là quán cơ đầu giáo, vì người nói pháp, như thế mới khiến cho chúng sinh thông đạt tất cả pháp. Muốn biết rõ tất cả pháp, phải vào sâu tạng kinh, trí tuệ mới như biển.

Y theo pháp tu hành, tồn chính niệm, tức là hồi quang phản chiếu, không đi đường tà, siêng tu giới định tuệ, hướng về đường Niết Bàn, tức là pháp không sinh không diệt. Giải thoát thì đắc được tự do sinh tử, không chế được sinh tử, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, chẳng phải là kết thúc thân mạng, mà là đến đi tự do. Do đó, có câu: “Biết từ đâu đến, biết đi về đâu”, khi đến cũng biết rõ, khi đi cũng biết rõ. Tu đến trình độ này, thì nắm lấy được sinh tử, mình làm chủ được mình, tùy theo tâm mong muốn, chẳng bị thời gian hạn chế, đắc được giải thoát thật sự, thì lìa khỏi các việc không bình đẳng. Đây là sức đại phương tiện của bậc Tịch Diệt. Chúng ta tự mình phát tâm bồ đề rồi, cũng phải khuyên người phát tâm bồ đề, hướng về pháp giới tất cả trí tuệ tu hành, thì mới có trí tuệ. Có trí tuệ rồi, thì quán sát được nhân duyên của chúng sinh, khéo léo giáo hóa, khiến cho họ biết pháp thế gian là: Vô thường, khổ, không, vô ngã, mà sinh ra pháp xuất thế gian: Thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu ai ai cũng phát tâm bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới hóa chúng sinh, thì tất cả tai nạn trên thế gian chẳng còn nữa, chiến tranh cũng tự nhiên tiêu diệt. Phật pháp là pháp không nhất định, gặp chúng sinh thiện hóa không được, thì phải ác hóa.

Ác hóa là gì?

Có chúng sinh chịu khổ đến cực độ, cảm thấy thế gian tất cả đều vô thường, hoặc gặp phi tai hoành họa, cảm thấy khổ là tính bức bách, mới phát tâm bồ đề. Người thiện thì nói pháp thiện, người ác thì nói pháp ác. Đủ thứ pháp môn này đều là giáo hóa chúng sinh tỉnh ngộ, giáo hóa họ đối với cảnh giới mà giác ngộ cảnh giới, không thể mê luyến cảnh giới. Mỗi cử chỉ hành động đều giáo hóa chúng sinh, dạy bạn mình bạch nhân quả báo ứng, tở hào chẳng sai. Nếu mình bạch thì đi vào chân lý”. Khéo giáo hóa chúng sinh vào lý thể chân thật, tức là vận dụng Phật tâm thường trụ đại từ đại bi, đại hỷ đại xả. Đây là sức phương tiện tứ vô lượng tâm phát ra.

Hết thấy tất cả chúng sinh đều có sinh có diệt. Chúng sinh có sắc, chúng sinh không có sắc, chúng sinh có tướng, hoặc không có tướng, hết thấy danh từ, Phật đều thấu rõ. Đây là sức phương tiện trí tuệ đắc được không thể nghĩ bàn. Chúng sinh có phân ra ba loại lớn:

1. Từ sinh để phân biệt, gồm có noãn, thai, thấp, hóa, bốn loài. 2. Từ thể để phân biệt, gồm có sắc và vô sắc hai loài. 3. Từ thức để phân biệt gồm có tướng, vô tướng, và phi tướng, phi phi tướng, ba loại. Đây là chín loài chúng sinh.

Phật pháp là tùy theo nghiệp chướng của chúng sinh mà hưng suy. Chúng sinh nghiệp nặng thì Phật pháp chẳng còn nữa. Chúng sinh nghiệp nhẹ thì Phật pháp sẽ hưng thịnh lên. Có lúc Phật pháp hưng lên rất nhanh mà diệt cũng nhanh, có lúc Phật pháp hưng lên chậm, mà diệt cũng rất chậm, đều là do nghiệp của chúng sinh mà quyết định. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ra thế giới Ta Bà, có người tin Phật, cũng có người nghe Phật pháp mà chẳng tin. Thời kỳ chính pháp cũng có tượng pháp, cũng có mật pháp. Thời kỳ tượng pháp, cũng có chính pháp, cũng có mật pháp. Thời kỳ mật pháp, cũng có chính pháp, cũng có tượng pháp, bất quá mật pháp thì nhiều. Phân ra mà nói thì có chính pháp, tượng pháp, mật pháp. Nếu hợp lại mà nói thì ở trong mỗi pháp, đều có chính tượng mật khác nhau. Ví như thời đại chính pháp rõ ràng là người như nhau, mà có người tin Phật, có kẻ chẳng tin Phật. Người chẳng tin Phật, chỉ thấy tướng tốt trang nghiêm của Phật, đây tức là thời đại tượng pháp. Thậm chí lúc Phật còn ở đời cũng có rất nhiều chúng sinh chẳng thấy được Phật, cũng chẳng nghe Phật pháp, đây tức là thời đại mật pháp. Vào thời đại tượng pháp có người chân chính tu hành, chứng quả khai ngộ, đây tức là thời đại chính pháp. Có người vốn chẳng nghe pháp, chẳng thấy Tăng; đây tức là thời đại mật pháp.

Chúng sinh là chúng duyên giả hòa hợp mà thành. Chúng sinh có noãn thai thấp hóa bốn thứ khác nhau. Thai sinh như cầm thú bốn chân, noãn sinh như loài phi cầm hai chân, thấp sinh như côn trùng nhiều chân, hóa sinh như bướm bướm... Thai sinh thì lớn lên ở trong thai mẹ, sau đó bèn sinh ra. Noãn sinh thì trứng ở ngoài thân mẹ được nhiệt độ mà lớn lên, sau đó sinh ra. Thấp sinh thì trứng ở chỗ ẩm ướt, được khí ẩm tự nhiên mà sinh ra. Hóa sinh thì biến hóa mà sinh, như nhộng hóa bướm... Chúng sinh trong sáu nẻo, thì chúng sinh trên trời và chúng sinh địa ngục là hóa sinh. Chúng sinh loài người và súc sinh là thai sinh. Loài A Tu La thì thai noãn thấp hóa bốn thứ sinh. Loài ngạ quỷ thì thai sinh hoặc hóa sinh. Động vật cấp dưới thì noãn thấp hóa ba thứ sinh, động vật cấp cao thì thai sinh. Vì chúng sinh có ái dục, cho nên trôi nổi ở trong biển sinh tử, chẳng dễ gì thoát khỏi biển khổ. Ở đây có năm thứ nguyên nhân:

1. Nước sâu: Biển ái dục quá sâu, người mà rơi vào, thì bất cứ như thế nào, cuối cùng vẫn lưu chuyển theo sóng. 2. Sóng nhanh: Trong biển ái dục có sóng rất lớn, do đó, mà dễ mê mất phương hướng, chẳng ra khỏi biển khổ được. Người nam nữ thế gian vô minh quá nặng, đắm tình nói ái, luyến ái chẳng thành công thì bèn quyết định kết thúc sinh mạng. Đây là bị biển ái dục nuốt chết. Sau đó đi thọ khổ sinh tử trong luân hồi, hoặc vĩnh viễn làm cô hồn dã quỷ; phạm là

người tự tử, thì vĩnh viễn chẳng đi đâu thai. 3. Mê tối: Tức là vô minh. Bị nước ái dục ngập chìm mà hồ đồ. Trí tuệ quang minh chẳng hiện tiền, mê đồ đen tối hiện ra, càng chẳng biết phương hướng, không thể đến được bờ bên kia, suốt ngày lưu chuyển ở trong biển sinh tử, chẳng được giải thoát. 4. Trùng chấp: Giống như con tầm, làm tơ, tự trói mình. Ở trong biển ái dục không thoát ra khỏi được. Tại sao? Vì ngư trùng chấp trước, bị lưới tình vây khốn. Như thế nên lưu chuyển ở trong biển ái dục, theo sóng lên xuống, lúc lên trời, lúc ở nhân gian, lưu chuyển không ngừng. 5. Sầu lo: Bị khốn ở trong biển ái dục chẳng thoát ra được, thì sinh lo âu, khổ thọ bức bách. Do đó, mà mất đi trí tuệ, mất đi sức lực. Bất cứ loài chúng sinh nào vẫn bị khốn, chẳng cách gì ra được. Vì Phật siêng tu đủ thứ đức hạnh, dũng mãnh tinh tấn, cho nên đoạn sạch hết trần lao biển ái dục, mà biến thành trí tuệ quang minh. Chúng sinh muốn có trí tuệ, thì thế nguyện học tập theo Phật, đoạn sạch tất cả tâm ái dục, đây mới là hành vi tốt đẹp.

Tất cả chúng sinh là hữu tình thế gian, sơn hà đại địa là khí thế gian, tất cả Thánh nhân là chính giác thế gian. Hiện tại nói thế gian là chỉ hữu tình thế gian mà nói, vì hữu tình chúng sinh phóng dật, chẳng giữ quy cụ mà chấp trước năm dục.

Năm dục là gì?

Tức là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ.

1. Người chấp trước tài, tham mà chẳng biết chán. Vàng bạc chất đầy như núi, cũng chẳng biết đủ, kết quả tay không mà đến, tay không mà đi, chỉ có nghiệp đã tạo ra, theo thân mà đi, theo nghiệp mà sinh. 2. Người chấp trước sắc: Mê sắc đẹp, tham luyến sắc đẹp, cho rằng sắc đẹp là vật quý giá nhất trên đời. Kết quả một cũng chẳng có, hoặc thân bại danh liệt, cuối cùng chẳng còn gì hết. Sắc này là chỉ nam nữ mà nói. 3. Người chấp trước danh: Vì muốn dương danh trong thiên hạ, bèn dùng đủ thứ phương pháp để đề cao danh dự, hoặc là làm những việc có danh, khiến cho mọi người đều biết, trở thành nhân vật danh cao tốt đỉnh, hoặc là làm chính trị gia, nhà giáo dục, nhà đại từ thiện, nhưng cuối cùng khó tránh lỗi lầm do mê mờ danh vọng. 4. Người chấp trước ăn: Cho rằng sơn trân hải vị là thức ăn bổ dưỡng nhất, ăn để cho cường thân sống lâu, nào ai biết được sinh ra đủ thứ bệnh, nào là mỡ quá nhiều, tạo thành hiện tượng não đầy ruột phì, chẳng phải bệnh máu cao, thì là bệnh tiểu đường, kết quả ngược lại bị tàn hoại sớm. 5. Người chấp trước ngủ: Có thể buông xả được tài, sắc, danh, ăn, bốn thứ, chẳng tham cầu, nhưng ngủ buông xả chẳng được, vẫn tham luyến, ban ngày ngủ, ban đêm ngủ, ngủ suốt ngày, làm cho hồ đồ, chẳng đi làm việc có ích cho xã hội. Mê hồ một đời như thế, cũng chẳng biết ra khỏi biển khổ.

Trong ngũ uẩn, tham ngũ thì thành đệ tam cái, che tắt tâm tính, chẳng sinh ra được pháp lành.

Có câu rằng: “Tài sắc danh ăn ngũ/ Địa ngục năm gian phòng”.

Song, chúng sinh đều chấp vào năm dục, chẳng minh bạch năm dục, chẳng có thật thể mà là tướng hư vọng. Vì nhận thức chẳng rõ mà chấp trước, cho nên tạo ra rất nhiều nghiệp chướng, tương lai chắc chắn thọ quả khổ. Do đó: Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, ba pháp này có quan hệ với nhau. Nếu phụng hành theo Phật giáo, thường thường nhiếp tâm, quản lý tâm của mình, đừng khởi vọng tưởng, chẳng tham năm dục. Hãy nhớ vô thường, đừng có phóng dật, phải phát thệ nguyện, hóa độ chúng sinh, đây là hành vi phải có.

Bất cứ loại chúng sinh nào đều có chấp trước ngã, có chấp trước ngã sở. Đây là ta, kia là thuộc về của ta. Cứu kính cái ta ở đâu? Từ trên đầu xuống dưới bàn chân, cũng tìm chẳng được cái ta tồn tại. Tất nhiên vô ngã, tại sao còn chấp trước cái ta? Bất quá cái ta là người đại biểu tổng gọi chung, đầu, thân, tứ chi, là tên gọi riêng. Cái ta là giả danh hư vọng, nó làm chủ chẳng được, khống chế các bộ phận thân thể hành động chẳng được. Khi già thì không khống chế được mắt đừng mờ, tai đừng điếc, răng đừng rụng, tóc đừng bạc. Khi bệnh thì không khống chế được chỗ bệnh đừng đau, thực dục đừng suy, hành động đừng trở ngại, nói năng đừng ngại. Khi chết thì càng chẳng làm chủ được. Do đó, đủ thấy căn bản thân thể chẳng phải thuộc về ta. Nếu thật thuộc về ta thì mới nói, mới làm chủ được. Nếu chẳng làm chủ được thì chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là của ta. Thân thể của mình còn chẳng làm chủ được, hà huống là vật ngoài thân càng chẳng làm chủ được. Cho nên tất cả đừng chấp trước. Tục ngữ có câu: “Người sống bảy mươi xưa nay hiếm. Trước trừ niên thiếu sau trừ già. Thời gian còn lại chẳng là bao. Lại còn một nửa ngủ nghỉ.”

Chúng sinh chẳng có chỗ nương tựa, thì sinh vô minh phiền não đủ thứ bệnh, luôn luôn bị chúng ràng buộc, chẳng được giải thoát. Vì vô minh phiền não mà tạo nghiệp, tạo nghiệp phải thọ báo. Tạo nghiệp thiện thọ báo thiện, tạo nghiệp ác thọ báo ác, chìm đắm ở trong bốn đường ác. Nếu sinh khởi tham sân si ba độc, có ba độc ba nghiệp, thì đoạ vào A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, bốn đường ác, để chịu báo khổ. Nếu ở trong đường ác, còn chẳng biết sám hối nghiệp chướng, ngược lại tăng thêm tham sân si, như thế thì trí tuệ sẽ bị mê hoặc che lấp, giống như mặt trời bị mây che nên biến thành đen tối. Lửa vô minh thiêu đốt rất mãnh liệt, rất dữ dội. Lửa cao ba ngàn trượng, thiêu đến trời Sơ Thiên. Thứ lửa vô minh này càng thiêu càng nóng, thiêu hủy tất cả rừng công đức. Dùng tâm thanh tịnh, trí tuệ quang minh để độ thoát chúng sinh trong bốn đường ác, đó là hành vi tốt phải làm. Vì chúng sinh vô minh mà mê hoặc, dạy

họ đi con đường chính, mà họ lại đi con đường tà. Do đó, có câu: Thiên đường có lối chẳng ai đi. Địa ngục không cửa tự tìm đến.

Hoặc là: Thích ăn, thích uống, thích nhảy đầm/ Ham đánh bạc, ham gái đẹp, ham hút độc. Đây là đường tà. Hành vi như thế không thấy dạy mà biết hết, chẳng cần học. Tu hành như thế nào? Trì giới như thế nào? Niệm Phật như thế nào? Ngồi thiền như thế nào? Thì họ không muốn y theo pháp tu hành, hoặc là miễn cưỡng, hoặc là phô diễn. Tóm lại, chẳng nhận chân làm thì làm chẳng triệt để, ngược lại luôn luôn đi làm đường tà, làm việc chẳng chính đáng. Loại chúng sinh này sẽ đi vào nhà tối ngu si, tức cũng là địa ngục. Vì loại chúng sinh này điên đảo, giống như tầm làm tơ, tự trói thân mình, chẳng thấy quang minh. Vì loại chúng sinh này mà đốt lên ngọn đèn chính pháp, chiếu sáng tâm chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, liễu sinh thoát tử. Đèn pháp đăng này, vĩnh viễn chiếu sáng nhà tối của chúng sinh. Đây là hành vi của người hành Bồ Tát đạo phải nên làm.

Tại sao Phật tu đạo? Vì thấy tất cả chúng sinh đang ở trong đường hiểm, gặp rắn độc thú dữ xâm hại. Chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi, có sinh già bệnh chết bốn khổ lớn. Sự khổ này có tính bức bách, chẳng cách chi thoát khỏi được. Cho nên Phật bèn tu tất cả pháp môn phương tiện, phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi đường hiểm ba cõi, đắc được đại an lạc. Đây là hành vi người tu đạo phải làm. Tại sao Phật phải nói pháp? Vì thương xót chúng sinh. Chúng sinh giống như ruồi, bay loạn xạ khắp nơi, tìm chẳng được lối ra, chẳng biết cách ra khỏi ba cõi. Cho nên Phật bèn tạo lập cầu pháp lớn, khiến cho chúng sinh từ bờ sinh tử bên này, đi qua cầu pháp lớn, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Đây là hành vi người tu đạo nên làm. Người có căn lành lớn thì nghe pháp rồi, tuyệt đối tin chân lý của pháp, chẳng sinh nghi hoặc. Họ thấu rõ tự tính vốn không tịch mà chẳng sinh sợ hãi. Phật tùy các loài chúng sinh mà ở trong sáu nẻo, hóa hiện mười phương chúng sinh khắp hết thấy mọi nơi, giáo hóa chúng sinh mê hoặc cương cố, lìa khỏi ba cõi đen tối, đắc được tịnh độ quang minh. Đây là hành vi người tu đạo phải làm.

Chúng ta, chúng sinh quán sát một việc gì, cũng rất khổ tâm suy nghĩ, phí rất nhiều thời gian để tính toán, dụng rất nhiều nỗ lực để nghĩ ý đồ cá nhân! Song, Chỉ trong một niệm, Phật có thể quán sát hết thấy sự việc trong mười phương ba đời vô lượng kiếp. Một niệm đó, cũng chẳng đến, cũng chẳng đi, cũng chẳng ở. Một niệm đó, chiếu thời gian và không gian, thấu rõ sự việc ba đời. Phật vượt qua tất cả pháp môn phương tiện, thành tựu mười lực của Phật. Phật trong vô lượng kiếp siêng tu giới định tuệ, tức diệt tham sân si, mới chứng được ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, mười lực .v.v...

Danh xưng của hết thầy chúng sinh trong mười phương thế giới, đều chẳng sánh bằng danh xưng của Phật. Thiện danh xưng là vĩnh viễn xa lìa tất cả tai nạn bất như ý, thường sinh hoan hỷ cát tường. Khắp đến mười phương tất cả cõi nước chư Phật, vì chư Phật tuyên dương diệu pháp, giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo, sớm thành giác quả. Vì lợi ích chúng sinh lìa khổ được vui, do đó, mà cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật. Cúng dường chư Phật tựa như đắc được quả vị Phật. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, môn nào cũng đều thấu suốt thì sẽ đắc được trí tuệ vô thí. Đối với tất cả đạo lý đều nghinh nhận mà giải, chẳng có khó khăn. Tất cả trí tuệ này hay biết rõ các pháp thật tướng, khắp đến các cõi nước chư Phật trong mười phương, hiện ra đại uy đức thần thông lực. Ai được như thế? Phật Thích Ca Mâu Ni mới được như thế. Vì Phật Thích Ca Mâu Ni, thuở xưa tại nhân địa thì tu hành đủ thứ pháp môn, cho nên mới đắc được thần thông diệu dụng như thế. Từ khi ban đầu phát bồ đề tâm, cúng dường Tam Bảo, tâm ý đó rất nhu hòa và nhẫn nại. Chẳng cương cường mà nhu hòa, chẳng bạo động mà nhẫn nại, như vậy mới có thể vào sâu thiền định, đắc được chính định chính thọ chân chính. Thiền định nông cạn thì chẳng kiên cố, có lúc sẽ sinh tâm thoái chuyển. Thiền định thâm sâu thì luôn luôn ở trong định, thường thường quán sát các pháp thật tướng. Phật giáo là tông giáo chẳng ích kỷ, tự mình phát bồ đề tâm, cũng khắp khuyến người khác phát bồ đề tâm. Tự mình giác ngộ rồi cũng dạy người khác giác ngộ. Tự mình chứng được diệu quả vô thượng cũng khiến cho người khác chứng được diệu quả vô thượng. Nhu hòa nhẫn nại là mỹ đức của người tu đạo, nếu nhận chân tu hành, thì nhất định sẽ thành tựu đạo nghiệp. Nói một cách dễ hiểu tức là chẳng có nóng giận. Do đó, nhu hay khắc cương, nhu hay thắng cường. Nên nhớ! Đừng để tâm báo thù, tức là nhẫn. Gặp việc chẳng như ý thì phải nhẫn, gặp người phỉ báng thì phải nhẫn, gặp chuyện thị phi thì phải nhẫn.

Người tu đạo phải có chính hạnh và trợ hạnh. Chính hạnh là tự mình thời khắc tu hành, trợ hạnh là trợ giúp người khác để tu hành, khiến cho họ phát bồ đề tâm, phát tâm vô thượng đạo. Nếu chẳng có tâm phân biệt để trợ hạnh, chẳng có tâm tuyển chọn để trợ hạnh. Không màng là thân sơ đều xem như nhau, không màng là gần xa, đều bình đẳng. Bạn tin tôi thì tôi cũng khuyên bạn phát đạo tâm, bạn chẳng tin tôi, thì tôi cũng khuyên bạn phát đạo tâm. Đây là trợ duyên trực tiếp khuyên người phát đạo tâm tu hành, cũng là gián tiếp trợ giúp cho chính mình tu hành đạo nghiệp, tức cũng là lập công, lập đức, lập ngôn. Mình tốt cũng muốn cho họ tốt; mình đắc được thọ dụng cũng muốn người khác đắc được thọ dụng. Mình đắc được diệu quả cũng muốn người khác đắc được diệu quả. Đây là tinh thần từ bi hỷ xả của Phật Giáo.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 05.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.